

Bản án số: 52/2021/DS-ST

Ngày 18 tháng 6 năm 2021

V/V: "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Môn, ông Nguyễn Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLST-DS ngày 04/01/2021 về "*Tranh chấp về hợp đồng hợp tác bán hàng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-DS ngày 7/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-DS ngày 26/4/2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 367/2021/TB-TA ngày 18/5/2021 giữa:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị B – sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm 4, xã Liêm C, thành phố PL, tỉnh H.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* Bị đơn: Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: Lô 24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường DK, thành phố B, tỉnh B.

Do ông Nguyễn Văn C - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện theo pháp luật.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị B trình bày:

Khoảng đầu năm 2015, qua người khác giới thiệu, bà gặp gỡ ông Nguyễn Văn C – đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam. Ông C giới thiệu về Công ty, cung cấp cho bà B những tài liệu liên quan đến Công ty:

Giấy phép đã được Bộ y tế - Cục an toàn vệ sinh thực phẩm chứng nhận, có ký quỹ với Nhà nước 5 tỷ đồng đảm bảo cho người đầu tư được sử dụng sản phẩm chất lượng cao, được hưởng chương trình tri ân có khuyến mãi cao lại không rủi ro. Cụ thể, mỗi sản phẩm mua của Công ty, ông C hứa sẽ tri ân 01 xe máy SH và 333.680.000 đồng.

Do tin tưởng ông C, vừa muốn có sản phẩm sử dụng bảo vệ sức khỏe và được hưởng các chương trình tri ân hấp dẫn nên ngày 13/3/2015, bà B đã ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng số 077096/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam. Do thời gian lâu, bà chỉ nhớ ký hợp đồng tại phường Lê Hồng Phong, thị xã PL, tỉnh H, ký trực tiếp với ông Nguyễn Văn C.

Cùng ngày 13/3/2015, bà đã nộp tiền vào Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam số tiền 42.250.000 đồng cho 5 mã sản phẩm, mỗi sản phẩm trị giá 8.450.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng và nộp tiền, bà đã được Công ty trả ngay 5 mã sản phẩm gồm: 2 mã canxi, 01 mã dầu cá, 01 mã Hoa Thanh Xuân (thuốc phụ khoa), 01 mã thuốc giải độc gan cùng một hợp đồng hợp tác bán hàng và một phiếu thu (bản gốc – đã nộp cho Tòa án). Bà chỉ biết người lập phiếu thu tên là Nguyễn Thị Hải, ngoài ra không biết thêm thông tin gì. Phiếu thu có ghi nội dung gì bà cũng không để ý. Ngoài ra, Công ty không giao cho bà bất cứ tài liệu, đồ vật gì. Ông C bảo các sản phẩm trên là hàng khuyến mãi thì bà mới đồng ý nhận. Mục đích chính của bà là nộp tiền để được tri ân 01 xe máy SH và 333.680.000 đồng. Nếu biết rõ mỗi sản phẩm trị giá 8.450.000 đồng thì bà đã không mua vì sản phẩm không phù hợp với giá tiền. Bà đã được công ty trả lương cộng tác viên 1 lần là 2.030.000 đồng.

Sau đó, bà đã nhiều lần lên chi nhánh tìm gặp đại diện Công ty yêu cầu họ trả tri ân là 01 xe máy SH và 333.680.000 đồng nhưng họ trốn tránh rồi đóng cửa chi nhánh. Bà không có cách nào liên hệ với họ. Đến năm 2018, bà phát hiện ngày 7/11/2016 Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam đã bị rút giấy phép kinh doanh bán hàng đa cấp do vi phạm Nghị định 42 của Bộ công thương và bị xử phạt 409 triệu đồng cộng với hàng ngàn đơn thư khiếu kiện của các cộng tác viên trên 54 thị trường.

Căn cứ Hợp đồng hợp tác bán hàng mà bà đã ký kết và phiếu thu tiền nói trên, bà yêu cầu Công ty LMTD Việt Nam phải trả lại bà 40.000.000 đồng do sản phẩm bà nhận được không phù hợp với giá tiền, không được tri ân. (Bà lấy số tiền 42.250.000 đồng đã nộp, trừ đi số tiền lương Công ty đã chi trả bà là 2.030.000 đồng, làm tròn thành 40.000.000 đồng). Số tiền bà nộp vào Công ty cổ phần LMTD Việt Nam là tiền bà đi vay riêng, không liên quan gì đến thành viên nào khác trong gia đình.

Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận

công khai chứng cứ và hòa giải....nhưng đại diện của Công ty cổ phần LMTD Việt Nam không đến Tòa án làm việc và cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng- Bộ Công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến Công ty cổ phần LMTD Việt Nam, bao gồm:

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là “Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP”, Công ty cổ phần LMTD Việt Nam không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

Ngày 29/4/2021, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng do đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 18/5/2021.

Ngày 18/5/2021, do tình hình dịch bệnh Covid 19 tại địa phương diễn biến phức tạp, Tòa án thay đổi thời gian mở phiên tòa sang ngày 18/6/2021.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo pháp luật của bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do. Nguyên đơn là bà Trần Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Đại diện theo pháp luật của bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà Trần Thị B về việc buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam trả số tiền 40.000.000 đồng.

Về án phí: Bà B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Đại diện theo pháp luật của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Hợp đồng hợp tác bán hàng số 077096/HĐ-LMTD ngày 13/3/2015 đã ký kết với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam và 01 phiếu thu nộp tiền, bà Trần Thị B đã khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu Công ty trả lại số tiền 40.000.000 đồng do không được hưởng tri ân, sản phẩm không phù hợp với giá trị. Quan hệ tranh chấp giữa bà B với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp. Đây là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự (cụ thể là tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng)*”. Bị đơn có trụ sở chính lại phường DK, thành phố B (theo đăng ký kinh doanh). Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết yêu cầu của bà B là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà B về việc buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả 40.000.000 đồng:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định ngày 13/3/2015, bà B ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 077096/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam - trong thời gian Công ty được phép hoạt động bán hàng đa cấp là có thật.

Bà B khai ngày 13/3/2015 đã nộp tiền vào Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam số tiền 42.250.000 đồng để mua 5 mã sản phẩm, mỗi sản phẩm trị giá 8.450.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng và nộp đủ số tiền 42.250.000 đồng, bà đã được Công ty trả đủ 5 mã sản phẩm gồm: 2 mã canxi, 01 mã dầu cá, 01 mã Hoa Thanh Xuân (thuốc phụ khoa). Nay bà yêu cầu Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam trả lại số tiền 40.000.000 đồng do 5 sản phẩm bà mua không phù hợp giá trị và không được trả tri ân theo thỏa thuận. Tuy nhiên, ngoài lời khai, bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh các vi phạm trên của Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà B không được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà B trình bày thuộc hộ nghèo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh và không nộp đơn xin miễn tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B về việc buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả số tiền 40.000.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Trần Thị B phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0001793 ngày 4/1/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà B còn phải nộp 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành

án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Thị Hương Giang